

BỘ CÔNG THƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT:

**“TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN TÍCH THÔNG TIN TỔNG QUAN
VỀ TÌNH HÌNH HỢP TÁC, GIAO THƯƠNG CỦA VIỆT NAM
VỚI THỊ TRƯỜNG CPTPP THÁNG 9/2026”**

Thuộc nhiệm vụ:

**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
Hiệp định CPTPP” năm 2026**

Hà Nội, năm 2026

MỤC LỤC

I. Thương mại song phương giữa Việt Nam với nước thành viên CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026.....6

1.1. Đánh giá hoạt động xuất khẩu.....6

1.1.1. Thị trường xuất khẩu.....7

1.1.2. Hàng hóa xuất khẩu 9

1.2. Đánh giá hoạt động nhập khẩu 12

1.2.1. Thị trường nhập khẩu.....13

1.2.2. Hàng hóa nhập khẩu 15

1.3. Đánh giá cán cân thương mại 18

II. Hoạt động nhập khẩu hàng hóa của các thị trường thành viên CPTPP với thế giới và thị phần hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.....19

2.1. Tình hình nhập khẩu hàng hoá của các thị trường thành viên CPTPP với thế giới.....19

2.2. Đánh giá dung lượng, thị phần của Việt Nam tại các thị trường thành viên CPTPP và các đối thủ cạnh tranh của hàng Việt Nam.....20

*2.3. Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu của một số thành viên CPTPP***Error! Bookmark not defined**.....21

III. Đánh giá xu hướng triển vọng trong thời gian tới.....23

3.1. Đánh giá xu hướng, triển vọng xuất khẩu.....23

3.2. Đánh giá xu hướng, triển vọng nhập khẩu.....24

Danh mục bảng

Bảng 1: Xuất nhập khẩu của Việt Nam với các nước thành viên CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026 6

Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang từng thành viên CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026 8

Bảng 3: Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026 11

Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ các thành viên CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026 14

Bảng 5: Hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026	16
Bảng 6: Nhập khẩu hàng hóa của một số nước thành viên CPTPP trong các tháng đầu năm 2026	19
Bảng 7: Kim ngạch nhập khẩu của Canada từ các thị trường chính trong 7 tháng đầu năm 2026 và thị phần của Việt Nam.....	21
Bảng 8: Kim ngạch nhập khẩu của Chile từ các thị trường chính trong 7 tháng đầu năm 2026 và thị phần của Việt Nam.....	22
Bảng 9: Một số hàng hóa nhập khẩu của Canada trong 7 tháng đầu năm 2026 và thị phần của Việt Nam	Error! Bookmark not defined.
Bảng 10: Một số hàng hóa nhập khẩu của Chile trong 7 tháng đầu năm 2026 và thị phần của Việt Nam	Error! Bookmark not defined.

Danh mục biểu đồ

Biểu 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP qua các tháng năm 2025-2026.....	7
Biểu 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Việt Nam tại các nước thành viên Hiệp định CPTPP.....	8
Biểu 3: Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 8 tháng năm 2025 (vòng trong) và 8 tháng năm 2026 (vòng ngoài)	10
Biểu 4: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường CPTPP qua các tháng năm 2025-2026.....	13
Biểu 5: Cơ cấu thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước thành viên Hiệp định CPTPP	14
Biểu 6: Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong 8 tháng năm 2025 (vòng trong) và 8 tháng năm 2026 (vòng ngoài)	15
Biểu 7: Cán cân thương mại của Việt Nam với thị trường CPTPP.....	18
Biểu 8: Cán cân thương mại của Việt Nam với từng thị trường tham gia Hiệp định CPTPP.....	18
Biểu 9: 10 mặt hàng xuất siêu nhiều nhất của Việt Nam thị trường CPTPP trong 8 tháng năm 2026.....	Error! Bookmark not defined.
Biểu 10: 10 mặt hàng Việt Nam nhập siêu nhiều nhất từ thị trường CPTPP trong 8 tháng năm 2026.....	Error! Bookmark not defined.

BÀI VIẾT THÁNG 9/2026

Tổng hợp, đánh giá và phân tích thông tin tổng quan về tình hình hợp tác, giao thương của Việt Nam với thị trường CPTPP

Số liệu của Cục Hải quan Việt Nam cho thấy, hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước thành viên Hiệp định CPTPP tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong tháng 8/2026, với kim ngạch đạt 13,7 tỷ USD, tăng mạnh 24,4% so với cùng kỳ năm 2025. Đáng chú ý, xuất khẩu vẫn là điểm sáng khi ghi nhận mức tăng lên tới 31,6% so với tháng 8/2025, đạt mức kỷ lục 8,47 tỷ USD và cao hơn đáng kể mức tăng 14,2% của nhập khẩu.

Với kết quả này, tính chung trong 8 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều giữa Việt Nam và các thành viên Hiệp định CPTPP đã cán mốc 100,8 tỷ USD, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu hơn 56,35 tỷ USD và nhập khẩu 44,44 tỷ USD, tăng lần lượt 23,3% và 26,7%. Cán cân thương mại nghiêng về phía Việt Nam với mức xuất siêu 11,9 tỷ USD, cao hơn mức 10,64 tỷ USD của cùng kỳ năm 2025. Riêng tháng 8, Việt Nam xuất siêu 3,25 tỷ USD với khối CPTPP, mức cao nhất trong nhiều năm.

Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các thị trường CPTPP có tính bổ trợ lẫn nhau. Theo đó, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu tập trung vào nhóm công nghiệp chế biến. Trong 8 tháng đầu năm nay, 9/10 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất đều thuộc nhóm này, cho thấy vai trò quan trọng của công nghiệp chế biến trong cơ cấu xuất khẩu sang CPTPP. Tuy nhiên, diễn biến xuất khẩu giữa các nhóm hàng có sự phân hóa rõ nét: một số ngành công nghệ cao và nhóm máy móc, thiết bị tăng trưởng mạnh, trong khi các nhóm hàng tiêu dùng và mặt hàng xuất khẩu truyền thống như dệt may, da giày lại sụt giảm.

Xét về thị trường, nhìn chung xuất khẩu của Việt Nam sang hầu hết đối tác thương mại trong CPTPP đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Brunei dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng với 114,2%, tiếp đến là Peru 69,8%, Malaysia 45,8% và Mexico 39,2%. Trong khi đó, các thị trường có quy mô thương mại lớn như Nhật Bản và Anh vẫn duy trì đà tăng, lần lượt ở mức 17% và 18,8%.

Ở chiều ngược lại, các thành viên CPTPP tiếp tục là nguồn cung quan trọng đối với Việt Nam, đặc biệt về máy móc, thiết bị và các mặt hàng năng lượng như xăng dầu, than đá, dầu thô.

Trong những tháng cuối năm 2026, xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường CPTPP được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, nhờ nhu cầu nhập khẩu tại nhiều nền kinh tế thành viên vẫn ở mức cao, đặc biệt trong mùa mua sắm cuối năm. Bên cạnh đó, các cam kết cắt giảm thuế quan và mở cửa thị trường trong CPTPP tiếp tục tạo lợi thế cho hàng hóa Việt Nam. Đáng chú ý, nhóm hàng công nghệ và thiết bị có thêm dư địa tăng trưởng khi nhiều nền kinh tế trong khối đẩy mạnh đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI), hạ tầng số và các ngành công nghệ mới.

Theo dữ liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 7 tháng đầu năm 2026, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của phần lớn các thành viên CPTPP đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Anh là thị trường có quy mô nhập khẩu lớn nhất, đạt 620,21 tỷ USD, tăng 15,5%; tiếp đến là Nhật Bản với 464,79 tỷ USD, tăng 5,9%. Singapore ghi nhận tốc độ tăng cao nhất trong nhóm này, tới 37%, đưa kim ngạch nhập khẩu lên 383,18 tỷ USD. Canada tăng 6,7%, đạt 353,04 tỷ USD, trong khi nhập khẩu của Malaysia và Australia lần lượt tăng 30,4% và 26,2%, lên 248,66 tỷ USD và 208,33 tỷ USD.

Diễn biến trên cho thấy sức cầu nhập khẩu tại phần lớn các thị trường CPTPP vẫn duy trì xu hướng tích cực, tạo thêm dư địa cho hàng hóa Việt Nam mở rộng thị phần. Đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, khai thác tốt hơn nhu cầu tại các nền kinh tế CPTPP và tận dụng hiệu quả các ưu đãi từ hiệp định.

I. Thương mại song phương giữa Việt Nam với nước thành viên CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước thành viên Hiệp định CPTPP tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong tháng 8/2026, với kim ngạch đạt 13,7 tỷ USD, mặc dù giảm nhẹ 1,4% so với tháng trước nhưng vẫn tăng mạnh 24,4% so với cùng kỳ năm 2025. Đáng chú ý, xuất khẩu vẫn là điểm sáng khi ghi nhận mức tăng lên tới 31,6% so với tháng 8/2025, cao hơn đáng kể mức tăng 14,2% của nhập khẩu.

Với kết quả này, tính chung trong 8 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều giữa Việt Nam và các thành viên Hiệp định CPTPP đã cán mốc 100,8 tỷ USD, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu hơn 56,35 tỷ USD và nhập khẩu 44,44 tỷ USD, tăng lần lượt 23,3% và 26,7%. Cán cân thương mại theo đó ghi nhận mức thặng dư 11,9 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm, cao hơn mức 10,64 tỷ USD của cùng kỳ năm trước.

Bảng 1: Xuất nhập khẩu của Việt Nam với các nước thành viên CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)
Tổng xuất nhập khẩu	13.698.744	-1,4	24,4	100.789.700	24,8
Xuất khẩu	8.473.252	7,4	31,6	56.347.290	23,3
Nhập khẩu	5.225.492	-12,9	14,2	44.442.409	26,7
Cán cân thương mại	3.247.761	71,8	74,3	11.904.881	11,9

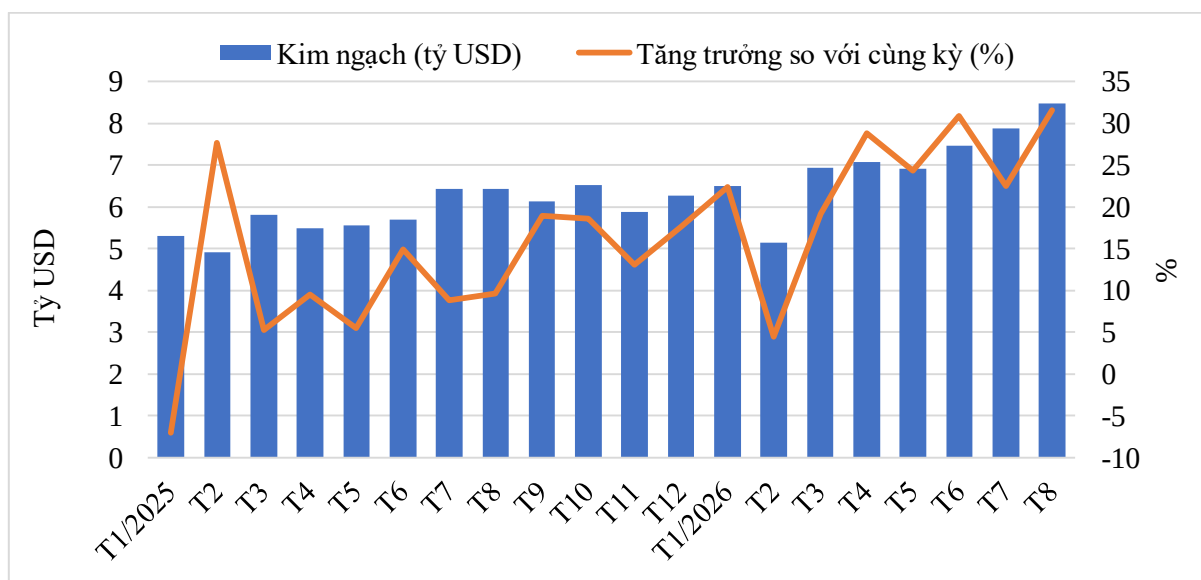
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.1. Đánh giá hoạt động xuất khẩu

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các thị trường thành viên CPTPP bứt phá mạnh mẽ, liên tiếp xác lập các mức kỷ lục mới. Riêng tháng 8/2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 8,47 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay, tăng 7,4% so với tháng trước và tăng tới 31,6% so với cùng kỳ năm 2025.

Lũy kế đến hết tháng 8/2026, xuất khẩu sang các thị trường CPTPP đạt 56,34 tỷ USD, tăng 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Xét về thị phần, CPTPP chiếm 15% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, nhích nhẹ so với mức 14,9% của cùng kỳ năm 2025.

Biểu 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP qua các tháng năm 2025-2026



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.1.1. Thị trường xuất khẩu

Trong tháng 8/2026, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang hầu hết các thành viên còn lại của CPTPP đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Brunei ghi nhận mức tăng mạnh nhất 2.099%, tiếp đến là Malaysia tăng 125,6% và Peru tăng 79,6%. Tính chung 8 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu sang ba thị trường này tăng lần lượt là 114,2%, 45,8% và 69,8%.

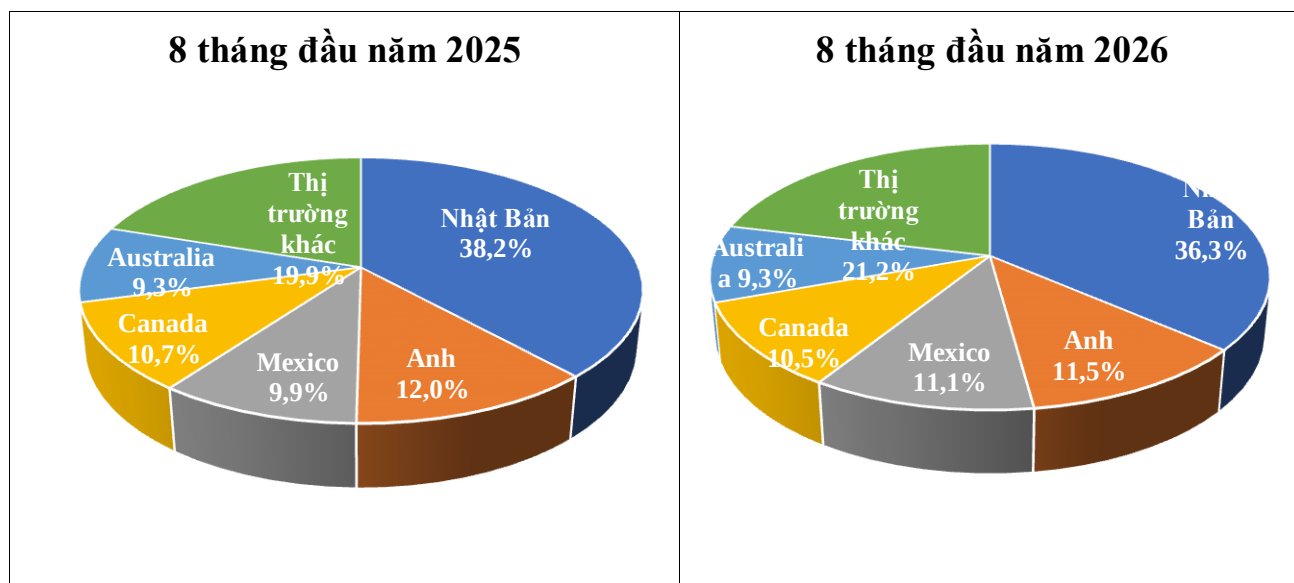
Trong khi đó, Nhật Bản vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong số các thành viên Hiệp định CPTPP, với kim ngạch đạt 20,45 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, tăng 17% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 36,3% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Đứng thứ hai là thị trường Anh với kim ngạch đạt 6,5 tỷ USD, tăng 18,8% và chiếm 11,5%.

Tiếp đến là Mexico, đạt 6,27 tỷ USD, tăng 39,2% và chiếm 11,1% thị phần.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu sang Canada đạt 5.9 tỷ USD, tăng 20,4% và chiếm 10,5%.

Biểu 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Việt Nam tại các nước thành viên Hiệp định CPTPP (ĐVT: % theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Dù duy trì đà tăng trưởng tích cực, tỷ trọng của Nhật Bản, Anh và Canada trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang khối CPTPP đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang một số thị trường khác cao hơn nhiều. Diễn biến này cho thấy, bên cạnh việc duy trì các thị trường chủ lực, doanh nghiệp Việt Nam đang tận dụng các ưu đãi từ CPTPP để mở rộng xuất khẩu sang những thị trường còn nhiều dư địa tăng trưởng.

Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang từng thành viên CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2026 (%)
Tổng	8.473.252	7,4	31,6	56.347.290	23,3	100,0	100,0
Nhật Bản	2.829.081	-1,0	20,1	20.455.457	17,0	38,2	36,3
Anh	1.118.950	27,2	40,5	6.505.490	18,8	12,0	11,5

Thị trường	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2026 (%)
Mexico	997.019	2,9	36,3	6.271.714	39,2	9,9	11,1
Canada	841.453	-5,7	20,5	5.899.486	20,4	10,7	10,5
Australia	681.410	-6,6	7,8	5.246.501	23,2	9,3	9,3
Malaysia	994.613	66,4	125,6	5.016.185	45,8	7,5	8,9
Singapore	624.219	0,1	35,0	4.584.567	19,7	8,4	8,1
Chile	165.410	16,0	-19,5	1.006.108	9,7	2,0	1,8
New Zealand	88.615	4,8	45,6	572.689	24,1	1,0	1,0
Pêru	92.813	22,9	79,6	570.526	69,8	0,7	1,0
Brunei	39.668	10,1	2.099,0	218.569	114,2	0,2	0,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.1.2. Hàng hóa xuất khẩu

Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường thành viên CPTPP chủ yếu tập trung vào nhóm công nghiệp chế biến. Trong 8 tháng đầu năm nay, 9/10 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất đều thuộc nhóm này, cho thấy vai trò quan trọng của công nghiệp chế biến trong cơ cấu xuất khẩu sang CPTPP. Tuy nhiên, diễn biến xuất khẩu giữa các nhóm hàng có sự phân hóa rõ nét: một số ngành công nghệ cao và nhóm máy móc, thiết bị tăng trưởng mạnh, trong khi các nhóm hàng tiêu dùng và mặt hàng xuất khẩu truyền thống như dệt may, da giày lại sụt giảm.

Tính đến hết tháng 8/2026, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tiếp tục dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP, đạt 10,47 tỷ USD, tăng gần 94% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 18,6% tổng kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch của nhóm hàng này tăng thêm 5,07 tỷ USD, tương đương gần một nửa mức tăng 10,64 tỷ USD của tổng kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường CPTPP. Riêng trong tháng 8/2026, xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 2 tỷ USD, tăng 38,6% so với tháng trước và tăng 113,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Đà tăng này diễn ra trong bối cảnh các tập đoàn công nghệ toàn cầu đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng phục vụ trí tuệ nhân tạo. Việt Nam, với vị trí ngày

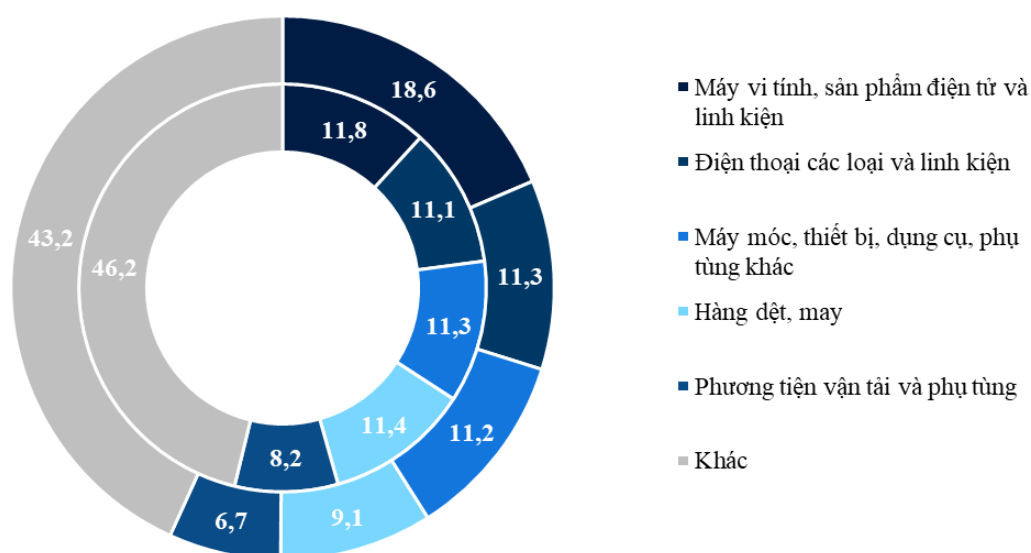
càng quan trọng trong chuỗi cung ứng điện tử, đang hưởng lợi từ nhu cầu đối với máy móc, linh kiện và thiết bị công nghệ.

Đứng thứ hai là điện thoại các loại và linh kiện, với kim ngạch 8 tháng đạt 6,34 tỷ USD, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm trước. Riêng tháng 8, xuất khẩu nhóm hàng này đạt 915,73 triệu USD, tăng 40,8% so với tháng 7.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đứng thứ ba, với kim ngạch 6,3 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm, tăng 22,2%, tương đương 11,2% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Biểu 3: Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 8 tháng năm 2025 (vòng trong) và 8 tháng năm 2026 (vòng ngoài)

(ĐVT: % theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Một số nhóm hàng khác cũng ghi nhận tăng trưởng tích cực trong 8 tháng đầu năm 2026 như: Phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 3,77 tỷ USD, tăng 0,6%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 2,24 tỷ USD, tăng 8,8%; hàng thủy sản đạt 2,12 tỷ USD, tăng 8,9%; đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận đạt 1,47 tỷ USD, tăng mạnh 52,3%; sản phẩm từ chất dẻo đạt 933,5 triệu USD, tăng 13,8%.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu hàng dệt may chỉ đạt 5,12 tỷ USD, giảm 2%, trong khi giày dép các loại đạt 2,95 tỷ USD, giảm 4%.

Trong nhóm nông sản, xuất khẩu cà phê, gạo và hạt tiêu lần lượt giảm 14,4%, 9,4% và 1%, chủ yếu do giá xuất khẩu thấp hơn cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, rau quả tăng 14,4%, hạt điều tăng 4,8% và cao su tăng mạnh 55,6%.

Đáng chú ý, một số mặt hàng ghi nhận mức tăng trưởng trên 100%, trong đó hóa chất tăng 128,7% và than các loại tăng 101%.

**Bảng 3: Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP
trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026**

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2026 (%)
Tổng	8.473.252	7,4	31,6	56.347.290	23,3	100,0	100,0
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.006.285	38,6	113,2	10.472.786	93,9	11,8	18,6
Điện thoại các loại và linh kiện	915.727	-7,1	40,8	6.341.173	25,4	11,1	11,3
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	917.082	7,6	13,0	6.303.362	22,2	11,3	11,2
Hàng dệt, may	716.839	-2,9	-3,6	5.122.547	-2,0	11,4	9,1
Phương tiện vận tải và phụ tùng	518.200	-3,4	13,3	3.766.757	0,6	8,2	6,7
Giày dép các loại	350.587	-21,4	-1,4	2.948.480	-4,0	6,7	5,2
Gỗ và sản phẩm gỗ	314.146	2,9	5,1	2.239.628	8,8	4,5	4,0
Hàng thủy sản	315.208	11,0	7,0	2.116.462	8,9	4,3	3,8
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	263.872	51,5	30,3	1.473.558	52,3	2,1	2,6
Sản phẩm từ chất dẻo	132.315	2,2	23,5	933.520	13,8	1,8	1,7
Cà phê	81.597	-1,6	0,9	912.803	-14,4	2,3	1,6
Hóa chất	157.683	14,0	190,9	837.069	128,7	0,8	1,5
Sản phẩm từ sắt thép	126.107	11,1	33,0	811.171	7,8	1,6	1,4
Sắt thép các loại	110.362	4,5	73,0	661.880	6,6	1,4	1,2
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	76.416	-16,1	11,0	616.094	4,2	1,3	1,1
Hàng rau quả	66.796	16,9	9,5	494.302	14,4	0,9	0,9
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	68.846	4,9	11,0	490.497	6,8	1,0	0,9
Dây điện và dây cáp điện	66.441	-0,5	30,4	469.679	28,4	0,8	0,8
Chất dẻo nguyên liệu	37.617	-16,7	30,1	381.089	90,9	0,4	0,7
Dầu thô	0	-100,0	-100,0	371.489	-9,0	0,9	0,7
Hạt điều	45.173	-1,4	-21,4	321.468	4,8	0,7	0,6
Sản phẩm hóa chất	37.523	-6,4	50,1	262.859	40,3	0,4	0,5
Gạo	35.860	47,5	62,5	216.915	-9,4	0,5	0,4
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	30.474	0,1	-6,8	215.738	5,4	0,4	0,4
Giấy và các sản phẩm từ giấy	25.794	-2,1	5,0	196.295	15,6	0,4	0,3
Sản phẩm từ cao su	25.579	7,8	15,0	173.392	8,8	0,3	0,3

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2026 (%)
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	17.964	-10,3	-32,2	163.243	10,1	0,3	0,3
Xăng dầu các loại	33.006	9,9	132,3	154.311	-2,5	0,3	0,3
Cao su	21.983	6,7	64,6	121.298	55,6	0,2	0,2
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	13.585	-21,6	-8,2	115.780	4,5	0,2	0,2
Xơ, sợi dệt các loại	15.245	-9,1	24,6	113.059	2,5	0,2	0,2
Kim loại thường khác	15.361	-5,2		105.902			0,2
Sản phẩm gốm, sứ	12.316	-6,4	0,9	105.513	0,8	0,2	0,2
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	15.322	4,6	38,5	103.163	16,6	0,2	0,2
Hạt tiêu	12.985	1,6	-10,9	102.548	-1,0	0,2	0,2
Clanhke và xi măng	12.961	-23,0	-11,2	100.332	44,5	0,2	0,2
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	10.036	-20,0	5,5	98.653	45,5	0,1	0,2
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	13.999	33,7	15,0	93.784	2,3	0,2	0,2
Phân bón các loại	7.461	-9,4	265,2	79.066	48,9	0,1	0,1
Vải màn, vải kỹ thuật khác	8.106	-1,3	21,8	57.214	9,7	0,1	0,1
Than các loại	1.268	-82,9	-74,0	44.575	101,0	0,0	0,1
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	8.190	-19,4	4,2	43.995	9,7	0,1	0,1
Sắt và các sản phẩm từ sắt	2.443	-0,3	94,9	20.090	87,7	0,0	0,0
Quặng và khoáng sản khác	731	-72,3	-9,8	17.767	-10,3	0,0	0,0
Chè	520	24,8	43,4	3.501	10,5	0,0	0,0
Hàng hóa khác	807.242	5,2	57,0	5.552.485	43,3	8,5	9,9

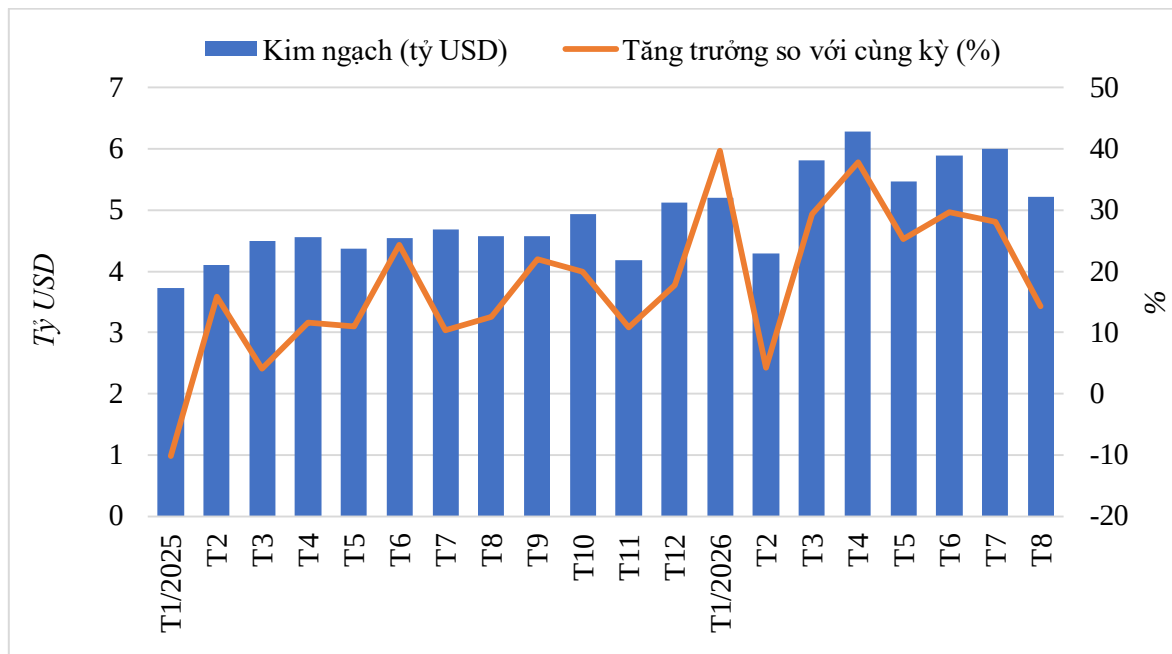
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.2. Đánh giá hoạt động nhập khẩu

Trái ngược với đà tăng của xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các thị trường thành viên CPTPP đang có dấu hiệu chậm lại rõ rệt từ giữa quý III. Thống kê cho thấy, trong tháng 8/2026, kim ngạch nhập khẩu đạt 5,22 tỷ USD, giảm 12,9% so với tháng trước. Đây là mức kim ngạch nhập khẩu thấp nhất trong 6 tháng, kể từ tháng 3/2026. So với cùng kỳ năm 2025, nhập khẩu vẫn tăng 14,24%, nhưng đây cũng là mức tăng thấp nhất trong 6 tháng qua.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2026, Việt Nam nhập khẩu 44,44 tỷ USD hàng hóa từ các thị trường CPTPP, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tỷ trọng của khu vực này trong tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước đã giảm xuống 11,2%, so với 12% cùng kỳ năm 2025, cho thấy vai trò của CPTPP trong cơ cấu nguồn cung nhập khẩu đang có phần thu hẹp.

Biểu 4: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường CPTPP qua các tháng năm 2025-2026 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.2.1. Thị trường nhập khẩu

Trong 8 tháng đầu năm 2026, Nhật Bản, Malaysia, Singapore và Australia tiếp tục là 4 nguồn cung lớn nhất, chiếm tới 91,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ các nước thành viên CPTPP.

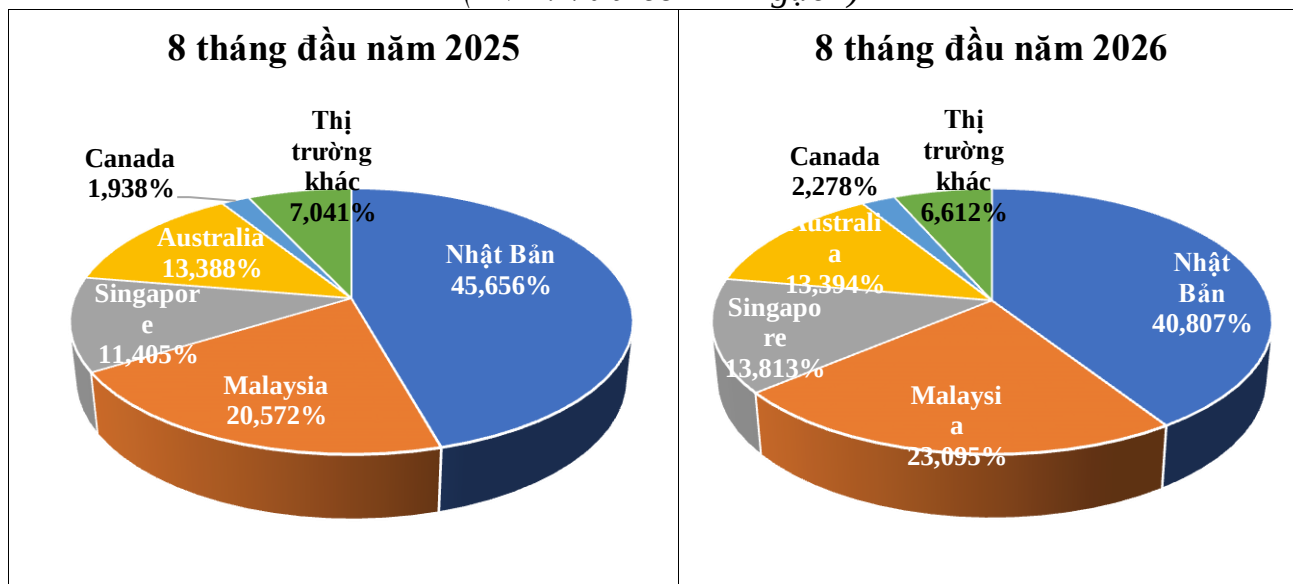
Trong đó, Nhật Bản dẫn đầu với kim ngạch 18,13 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, tốc độ tăng thấp hơn đáng kể so với các thị trường chủ lực khác khiến tỷ trọng của Nhật Bản trong tổng nhập khẩu từ CPTPP giảm xuống 40,8%, so với mức 45,7% cùng kỳ năm 2025.

Ở vị trí thứ hai, Malaysia đạt kim ngạch 10,26 tỷ USD, tăng mạnh 42,3%, chiếm 23,1% tổng nhập khẩu từ CPTPP. Đáng chú ý, Singapore ghi nhận tốc độ tăng cao nhất trong nhóm 4 thị trường chủ lực, lên tới 53,5%, đưa kim ngạch đạt 6,14 tỷ USD, tương đương 13,8%.

Australia đứng tiếp theo với 5,95 tỷ USD, tăng 26,8% và chiếm 13,4%. Diễn biến này cho thấy cơ cấu nguồn cung từ CPTPP đang có sự dịch chuyển khi tỷ trọng của Nhật Bản giảm, trong khi Malaysia, Singapore và Australia ngày càng đóng góp lớn hơn.

Biểu 5: Cơ cấu thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước thành viên Hiệp định CPTPP

(ĐVT: % theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Ngoài các thị trường chủ lực, nhập khẩu từ một số thành viên CPTPP khác cũng ghi nhận mức tăng khá cao. Đáng chú ý, kim ngạch nhập khẩu từ Canada tăng 49% và Mexico tăng 36,4% so với cùng kỳ năm 2025.

Ở chiều ngược lại, Peru là thị trường duy nhất ghi nhận mức sụt giảm, với kim ngạch giảm 21,3%. Tuy nhiên, do quy mô nhập khẩu từ Peru còn rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 0,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ CPTPP, nên mức giảm không tác động đáng kể đến bức tranh chung.

Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ các thành viên CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2026 (%)
Tổng	5.225.492	-12,89	14,24	44.442.409	26,74	100,0	100,0
Nhật Bản	2.017.818	-18,9	-9,8	18.135.427	13,3	45,7	40,8
Malaysia	1.364.628	-4,7	33,4	10.264.133	42,3	20,6	23,1
Singapore	633.453	-4,0	52,6	6.138.940	53,5	11,4	13,8

Thị trường	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2026 (%)
Australia	725.100	-19,9	46,6	5.952.818	26,8	13,4	13,4
Canada	135.730	11,7	39,3	1.012.434	49,0	1,9	2,3
Mexico	112.803	-33,0	10,0	981.155	36,4	2,1	2,2
Anh	86.944	-4,0	4,8	686.428	8,8	1,8	1,5
New Zealand	60.737	-26,4	16,7	588.040	11,7	1,5	1,3
Brunei	55.905	422,5	21,9	344.823	18,6	0,8	0,8
Chile	28.609	-16,6	43,6	290.790	20,8	0,7	0,7
Pêru	3.765	-43,5	-8,9	47.423	-21,3	0,2	0,1

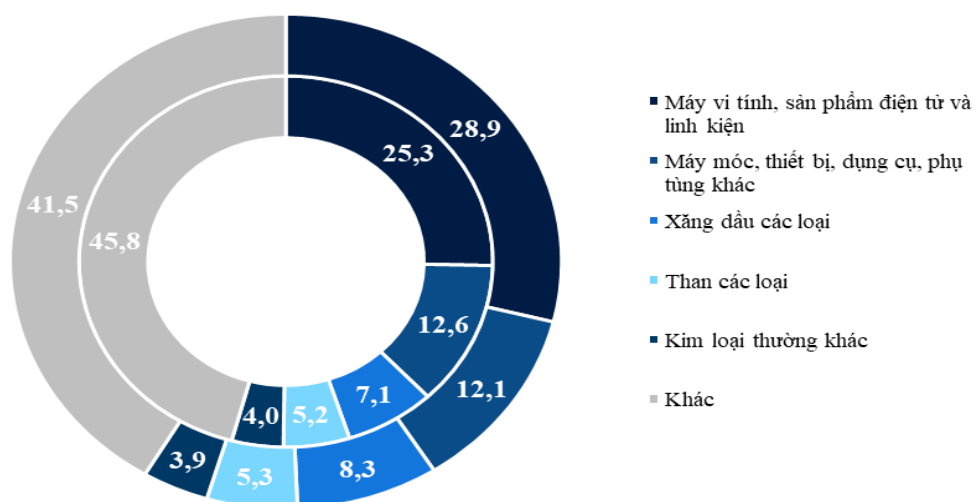
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.2.2. Hàng hóa nhập khẩu

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2026, Việt Nam nhập khẩu từ các thị trường thành viên CPTPP chủ yếu là các nhóm hàng đầu vào phục vụ sản xuất trong nước, nổi bật là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị; cùng các mặt hàng năng lượng.

Biểu 6: Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong 8 tháng năm 2025 (vòng trong) và 8 tháng năm 2026 (vòng ngoài)

(ĐVT: % theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Dẫn đầu là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, với kim ngạch đạt 12,85 tỷ USD, tăng 44,6% so với cùng kỳ năm 2025. Nhóm hàng này chiếm 28,9% tổng kim ngạch nhập khẩu từ CPTPP, tăng đáng kể so với mức 25,3% của cùng kỳ năm trước, cho thấy nhu cầu nhập khẩu linh kiện và thiết bị phục vụ sản xuất tiếp tục gia tăng.

Đứng thứ hai là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác, đạt 5,36 tỷ USD, tăng 21,1%, chiếm 12,1% tổng kim ngạch nhập khẩu từ khu vực CPTPP.

Đáng chú ý, nhóm hàng năng lượng ghi nhận mức tăng mạnh, trong bối cảnh giá cả leo thang do những bất ổn và xung đột tại Trung Đông. Lũy kế 8 tháng, nhập khẩu xăng dầu các loại đạt 3,7 tỷ USD, tăng 50%, chiếm 8,3%; than các loại đạt 2,36 tỷ USD, tăng 30,1%, chiếm 5,3%. Bên cạnh đó, nhập khẩu sản phẩm từ dầu mỏ tăng 81%, trong khi khí đốt hóa lỏng tăng 56,6%.

Bảng 5: Hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2026 (%)
Tổng	5.225.492	-12,9	14,2	44.442.409	26,7	100,0	100,0
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.684.510	-6,1	14,6	12.852.496	44,6	25,3	28,9
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	658.032	-11,2	14,8	5.359.286	21,1	12,6	12,1
Xăng dầu các loại	293.194	-31,9	27,7	3.710.520	50,0	7,1	8,3
Than các loại	300.483	-8,0	177,1	2.358.879	30,1	5,2	5,3
Kim loại thường khác	189.232	-21,1	18,4	1.739.054	22,6	4,0	3,9
Quặng và khoáng sản khác	186.364	9,6	98,2	1.183.321	38,4	2,4	2,7
Hóa chất	142.690	24,1	56,1	1.062.342	30,2	2,3	2,4
Sắt thép các loại	118.200	3,4	-14,9	944.951	-11,6	3,0	2,1
Phế liệu sắt thép	64.509	-58,7	-37,5	915.937	1,4	2,6	2,1
Sản phẩm hóa chất	110.940	-13,0	9,0	879.922	9,9	2,3	2,0
Chất dẻo nguyên liệu	100.570	-17,6	-5,1	856.201	-4,1	2,5	1,9
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	38.705	-23,8	-26,4	793.060	81,0	1,2	1,8
Sản phẩm từ chất dẻo	91.047	-19,2	-7,2	788.467	7,9	2,1	1,8
Vải các loại	66.516	-14,8	-1,1	577.668	0,8	1,6	1,3
Khí đốt hóa lỏng	51.530	-54,7	126,8	513.708	56,6	0,9	1,2
Sữa và sản phẩm sữa	57.234	-3,0	28,0	501.706	4,6	1,4	1,1

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2026 (%)
Linh kiện, phụ tùng ô tô	44.793	-3,3	-21,4	456.423	0,2	1,3	1,0
Dầu mỡ động, thực vật	39.249	-22,0	-18,0	429.265	56,3	0,8	1,0
Lúa mì	49.094	28,4	-39,2	412.155	2,2	1,2	0,9
Hàng thủy sản	54.064	-1,5	-6,4	411.367	8,9	1,1	0,9
Sản phẩm từ sắt thép	47.647	-12,3	3,9	390.281	10,1	1,0	0,9
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	46.284	-8,0	31,7	366.638	21,5	0,9	0,8
Chế phẩm thực phẩm khác	38.331	-2,2	45,6	322.227	13,4	0,8	0,7
Giấy các loại	37.268	-13,3	10,4	314.809	15,0	0,8	0,7
Hàng điện gia dụng và linh kiện	17.353	-41,5	39,9	305.883	7,4	0,8	0,7
Hàng rau quả	31.237	-16,6	-16,0	284.289	19,2	0,7	0,6
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	23.489	-17,7	-2,3	216.517	-2,0	0,6	0,5
Dây điện và dây cáp điện	24.996	-19,8	2,8	215.680	21,8	0,5	0,5
Ô tô nguyên chiếc các loại	26.167	-18,7	46,4	207.926	19,1	0,5	0,5
Dược phẩm	17.775	-42,3	14,8	186.142	16,0	0,5	0,4
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	15.245	-20,8	-12,5	184.981	60,5	0,3	0,4
Bông các loại	29.435	-12,7	-33,6	181.454	5,9	0,5	0,4
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	6.901	-84,2	-5,8	164.060	127,4	0,2	0,4
Cao su	16.990	-18,4	8,6	141.924	8,7	0,4	0,3
Sản phẩm từ cao su	14.637	-13,0	-3,3	128.471	5,7	0,3	0,3
SP từ kim loại thường khác	14.884	-16,8	5,6	121.833	20,3	0,3	0,3
Gỗ và sản phẩm gỗ	14.863	-13,0	-1,1	105.479	-0,1	0,3	0,2
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	9.107	-0,7	-51,8	89.989	-28,6	0,4	0,2
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	7.716	-20,0	11,4	86.045	64,9	0,1	0,2
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	7.805	3,8	-23,2	80.479	-5,1	0,2	0,2
Phân bón các loại	2.245	-87,7	-80,9	76.717	-27,1	0,3	0,2
Xơ, sợi dệt các loại	7.913	-14,2	-14,5	66.838	1,3	0,2	0,2
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	8.054	11,9	36,0	56.429	-1,8	0,2	0,1
Bánh kẹo và các sp từ ngũ cốc	5.651	-26,3	15,1	52.852	37,8	0,1	0,1
Dầu thô	0			49.635	-0,7	0,1	0,1
Sản phẩm từ giấy	4.659	-11,8	-3,3	41.452	5,5	0,1	0,1
Đậu tương	1.411	-66,1	-73,4	40.536	-37,4	0,2	0,1
Nguyên phụ liệu thuốc lá	714	316,3	280,0	3.858	-12,4	0,0	0,0
Điện thoại các loại và linh kiện	551	-9,5	-20,9	3.553	3,6	0,0	0,0
Nguyên phụ liệu dược phẩm	189	-63,1	-25,5	2.473	2,5	0,0	0,0
Hàng hóa khác	405.018	-6,4	4,4	3.206.230	20,2	7,6	7,2

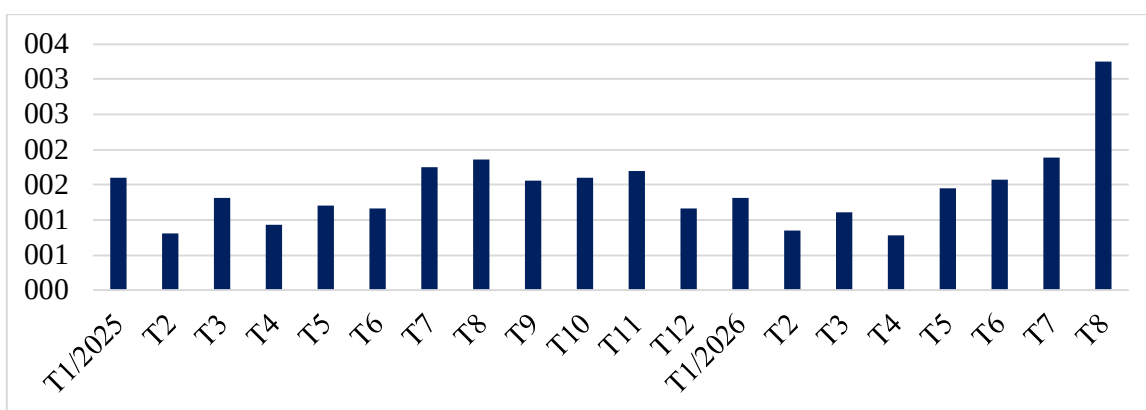
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.3. Đánh giá cán cân thương mại

Đà tăng trưởng vượt trội của xuất khẩu so với nhập khẩu giúp Việt Nam lập kỷ lục xuất siêu 3,25 tỷ USD với khối thị trường CPTPP trong tháng 8/2026. Tính chung 8 tháng, thặng dư thương mại với thị trường này đạt 11,9 tỷ USD, cao hơn đáng kể so với con số 10,64 tỷ USD của cùng kỳ năm 2025.

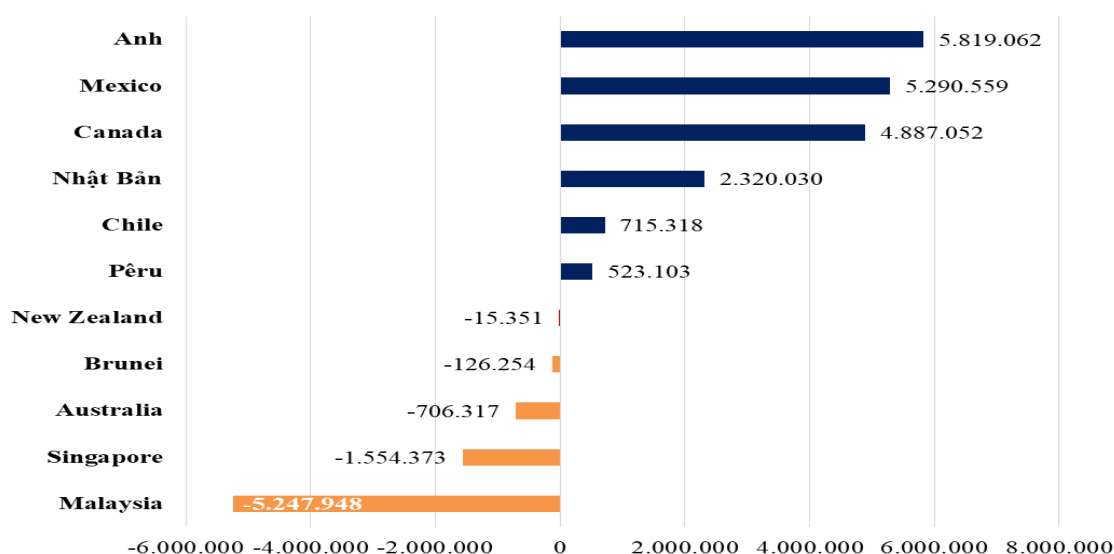
Biểu 7: Cán cân thương mại của Việt Nam với thị trường CPTPP

(ĐVT: tỷ USD)



Xét theo các đối tác, Việt Nam duy trì xuất siêu với Anh, Canada, Mexico, Nhật Bản, Chile và Peru, trong khi nhập siêu chủ yếu từ các thị trường quanh khu vực như Malaysia, Singapore, Brunei, Australia và New Zealand.

Biểu 8: Cán cân thương mại của Việt Nam với từng thị trường tham gia Hiệp định CPTPP (ĐVT: nghìn USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

II. Hoạt động nhập khẩu hàng hóa của các thị trường thành viên CPTPP với thế giới và thị phần hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam

2.1. Tình hình nhập khẩu hàng hoá của các thị trường thành viên CPTPP với thế giới

Theo dữ liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 7 tháng đầu năm 2026, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của hầu hết các thành viên CPTPP đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Anh là thị trường có quy mô nhập khẩu lớn nhất, đạt 620,21 tỷ USD, tăng 15,5%. Nhật Bản đứng thứ hai với 464,79 tỷ USD, tăng 5,9%. Đáng chú ý, Singapore ghi nhận mức tăng trưởng nhập khẩu cao nhất, lên tới 37%, đưa tổng kim ngạch đạt 383,18 tỷ USD. Canada cũng ghi nhận mức tăng 6,7%, với kim ngạch nhập khẩu đạt 353,04 tỷ USD. Trong khi đó, nhập khẩu của Malaysia và Australia lần lượt tăng 30,74% và 26,2%, đạt 248,66 tỷ USD và 208,33 tỷ USD.

Diễn biến trên cho thấy sức cầu nhập khẩu tại phần lớn các thị trường CPTPP vẫn duy trì xu hướng tích cực, tạo thêm dư địa cho hàng hóa Việt Nam mở rộng thị phần. Đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, khai thác tốt hơn nhu cầu tại các nền kinh tế CPTPP và tận dụng hiệu quả các ưu đãi từ hiệp định.

Bảng 6: Nhập khẩu hàng hóa của một số nước thành viên CPTPP trong các tháng đầu năm 2026 (ĐVT: triệu USD)

Thị trường	Tháng 1/2026	Tháng 2/2026	Tháng 3/2026	Tháng 4/2026	Tháng 5/2026	Tháng 6/2026	Tháng 7/2026	Lũy kế năm 2026	So với cùng kỳ năm 2025 (%)
Anh	86.191	86.138	100.387	85.611	85.887	85.924	90.066	620.214	15,5
Nhật Bản	66.059	61.386	65.227	64.279	62.531	70.535	74.757	464.789	5,9
Singapore	49.363	42.635	56.507	59.495	58.802	56.386	60.150	383.181	37,0
Canada	43.425	47.166	53.919	51.547	52.939	52.036	50.976	353.043	6,7
Malaysia	31.003	29.201	31.446	38.794	36.444	39.851	41.918	248.658	30,4
Australia	28.524	25.764	29.208	32.098	31.360	30.867	30.412	208.334	26,2
Chile	6.784	6.440	7.422	7.910	7.177	7.564	8.503	51.804	3,5
New Zealand	3.867	4.079	4.176	3.845	4.715	4.617	5.340	30.637	16,3

Nguồn : Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

2.2. Đánh giá dung lượng, thị phần của Việt Nam tại các thị trường thành viên CPTPP và các đối thủ cạnh tranh của hàng Việt Nam

Sau hơn 7 năm rưỡi có hiệu lực, Hiệp định CPTPP đã đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy thương mại của Việt Nam với các thị trường khu vực Châu Mỹ, đặc biệt là các thị trường thành viên gồm: Canada, Mexico, Chile, và Peru (trong đó Canada, Mexico và Peru là các thị trường lần đầu tiên có quan hệ FTA với Việt Nam).

Đối với Canada, những năm gần đây, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Canada không ngừng được mở rộng cả về quy mô lẫn chiều sâu.

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay, xuất khẩu của Việt Nam sang Canada duy trì đà tăng trưởng tích cực, với kim ngạch liên tục thiết lập những mức cao mới. Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Canada tăng từ 4,16 tỷ USD năm 2018 lên mức kỷ lục 13,77 tỷ USD năm 2025, tăng hơn 3,3 lần, tương đương mức tăng 231%.

Cùng với sự gia tăng về quy mô, vị thế của Việt Nam trong nhóm các nhà cung cấp hàng hóa lớn nhất cho Canada cũng được cải thiện đáng kể. Trong giai đoạn này, Việt Nam vươn từ vị trí thứ 12 lên vị trí thứ 6, trong khi thị phần trong tổng nhập khẩu của Canada tăng từ 0,9% lên 2,44%. Những con số này cho thấy hàng hóa Việt Nam đang ngày càng hiện diện sâu hơn tại thị trường Canada, đồng thời phản ánh hiệu quả bước đầu của việc tận dụng các ưu đãi và cơ hội mở cửa thị trường từ CPTPP.

Trong 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của nước này đạt 353 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc giảm 2,4%, nhu cầu nhập khẩu từ hầu hết các nguồn cung chủ chốt khác đều tăng, cho thấy dư địa cho các nhà cung cấp quốc tế tiếp tục mở rộng hiện diện tại thị trường này.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam tiếp tục củng cố vị thế số 1 ASEAN và vươn lên vị trí thứ 6 trong số các thị trường cung cấp hàng hóa lớn nhất cho Canada, từ vị trí thứ 7 của cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu của Việt

Nam sang Canada đạt 8,96 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm 2025 – mức tăng cao nhất trong nhóm 10 nguồn cung lớn nhất của thị trường Canada. Nhờ đó, thị phần của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Canada tăng từ 2,3% lên 2,5%.

Tuy nhiên, cơ hội tại Canada cũng đi kèm với sức ép cạnh tranh ngày càng lớn ngay trong nội khối CPTPP. Trong 7 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu của Canada từ Mexico tăng 18%, Nhật Bản tăng 15,6% và Peru tăng tới 32,1% so với cùng kỳ năm trước.

Đánh giá về mức độ tận dụng của các doanh nghiệp Việt Nam đối với những ưu đãi từ các thị trường châu Mỹ trong thời gian qua, đại diện doanh nghiệp, cơ quan quản lý cho biết, mặc dù xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường CPTPP khu vực châu Mỹ là có những bước tăng trưởng rất tốt, dư địa và tiềm năng của thị trường để khai thác vẫn còn lớn. Tuy vậy, khó khăn và trở ngại của doanh nghiệp khi tiếp cận thị trường châu Mỹ là địa lý bởi đây là khu vực mà có vị trí địa lý cách xa, khiến gia tăng chi phí và thời gian vận chuyển. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn gặp phải những thách thức về mặt tiêu chuẩn thị trường, đặc biệt là đối với các thị trường Bắc Mỹ.

Bảng 7: Kim ngạch nhập khẩu của Canada từ các thị trường chính trong 7 tháng đầu năm 2026 và thị phần của Việt Nam

STT	Thị trường	7 tháng đầu năm 2026 (triệu USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2025 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2026 (%)
	Tổng	353.043	6,7	100,0	100,0
1	Mỹ	162.476	4,8	46,9	46,0
2	Trung Quốc	37.220	-2,4	11,5	10,5
3	Mexico	25.308	18,0	6,5	7,2
4	Đức	11.603	15,0	3,0	3,3
5	Nhật Bản	10.165	15,6	2,7	2,9
6	<u>Việt Nam</u>	<u>8.956</u>	<u>19,4</u>	<u>2,3</u>	<u>2,5</u>
7	Hàn Quốc	8.228	8,0	2,3	2,3
8	Italia	6.161	11,0	1,7	1,7
9	Braxin	4.973	6,8	1,4	1,4
10	Pháp	4.558	10,8	1,2	1,3

STT	Thị trường	7 tháng đầu năm 2026 (triệu USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2025 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2026 (%)
11	Ấn Độ	4.458	11,6	1,2	1,3
12	Anh	4.396	2,1	1,3	1,2
13	Pêru	3.695	32,1	0,8	1,0
14	Đài Loan	3.553	5,8	1,0	1,0
15	Thụy Sĩ	3.230	-24,1	1,3	0,9

Nguồn : Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Với thị trường Chile, kể từ khi CPTPP có hiệu lực, Việt Nam là một trong những thị trường có tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nhanh nhất vào Chile.

Theo số liệu của ITC, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Chile đã tăng từ mức 642,8 triệu USD của năm 2018 lên mức kỷ lục 1,74 tỷ USD vào năm 2025, tương ứng với mức tăng trưởng gấp 2,7 lần (170,5%) trong 7 năm. Thị phần của Việt Nam tại Chile cũng tăng từ 0,9% lên 2% trong giai đoạn trên. Việt Nam hiện đang là nguồn cung hàng hóa lớn nhất ASEAN và đứng thứ 9 về xuất khẩu vào Chile.

Còn theo số liệu thống kê mới nhất, trong 7 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu hàng hóa của Chile đạt 51,8 tỷ USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 11 về xuất khẩu vào Chile với kim ngạch đạt 877 triệu USD, giảm 2,3%. Thị phần của Việt Nam tại Chile theo đó cũng giảm từ 1,8% xuống còn 1,7%.

Bảng 8: Kim ngạch nhập khẩu của Chile từ các thị trường chính trong 7 tháng đầu năm 2026 và thị phần của Việt Nam

STT	Thị trường	7 tháng đầu năm 2026 (triệu USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2025	Thị phần 7 tháng năm 2026
	Tổng	51.804	3,5	100,0	100,0
1	Trung Quốc	13.367	2,1	26,1	25,8
2	Mỹ	10.231	3,8	19,7	19,7
3	Braxin	4.699	11,4	8,4	9,1
4	Achentina	4.462	6,7	8,4	8,6

STT	Thị trường	7 tháng năm 2026 (triệu USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2025	Thị phần 7 tháng năm 2026
5	Đức	1.722	1,0	3,4	3,3
6	Pêru	1.343	6,1	2,5	2,6
7	Tây Ban Nha	1.122	-5,9	2,4	2,2
8	Nhật Bản	1.058	4,5	2,0	2,0
9	Italia	977	12,0	1,7	1,9
10	Mexico	899	-10,8	2,0	1,7
11	Việt Nam	877	-2,3	1,8	1,7
12	Êcuado	858	90,7	0,9	1,7
13	Hàn Quốc	830	-8,9	1,8	1,6
14	Ấn Độ	805	-7,3	1,7	1,6
15	Côlombia	673	2,1	1,3	1,3

Nguồn : Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

III. Đánh giá xu hướng triển vọng trong thời gian tới

3.1. Đánh giá xu hướng, triển vọng xuất khẩu

Những tháng cuối năm 2026, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các thị trường CPTPP được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, nhờ nhu cầu nhập khẩu duy trì ở mức cao tại nhiều thị trường thành viên, đặc biệt trong mùa mua sắm cuối năm, cùng lợi thế từ các cam kết cắt giảm thuế quan và mở cửa thị trường. Đáng chú ý, nhóm hàng công nghệ có thêm cơ hội khi nhiều nền kinh tế CPTPP đang đẩy mạnh đầu tư vào AI và hạ tầng số.

CPTPP được đánh giá là thị trường tiềm năng cho xuất khẩu Việt Nam trong bối cảnh thương mại quốc tế đang trải qua giai đoạn biến động sâu sắc. Những chính sách thuế quan mới, sự thay đổi tiêu chuẩn thị trường và làn sóng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu đang buộc các doanh nghiệp xuất khẩu phải thay đổi phương thức tiếp cận...

CPTPP không chỉ được nhìn nhận như một thỏa thuận khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hiệp định đang mở rộng không gian địa lý sang châu Âu với sự tham gia của Vương quốc Anh, và khả năng mở rộng sang cả Ucraina, vùng Trung Mỹ với Costa Rica, Uruguay, cùng sự quan tâm từ các đối tác

Trung Đông như UAE, khu vực ASEAN như Philippin, Indonesia. Điều này biến CPTPP thành một FTA thế hệ mới có tầm vóc toàn cầu.

Không chỉ là thị trường tiêu thụ, CPTPP còn là nguồn cung nguyên liệu và đầu vào quan trọng, giúp doanh nghiệp Việt Nam đa dạng hóa chuỗi cung ứng.

Số liệu thực tế phản ánh dư địa khai thác CPTPP còn rất lớn. Tổng kim ngạch nhập khẩu của các nước thành viên CPTPP (ngoại trừ Việt Nam) năm 2025 đạt khoảng 4.250 tỷ USD, nhưng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang khối này mới đạt hơn 110 tỷ USD, tương ứng thị phần khoảng 2,6%.

Bên cạnh những cơ hội rộng mở tại thị trường CPTPP, doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là khối doanh nghiệp vừa và nhỏ đang đối mặt với không ít rào cản nội tại và bên ngoài.

Điểm nghẽn lớn nhất của doanh nghiệp vừa và nhỏ không phải là năng lực sản xuất sản phẩm, mà là sự thiếu hụt thông tin, thiếu nguồn lực tiếp cận thị trường và chưa xây dựng được mạng lưới đối tác tin cậy. Ngoài ra, việc tuân thủ quy tắc xuất xứ để hưởng thuế ưu đãi cùng các tiêu chuẩn phi truyền thống trong CPTPP như lao động và môi trường đang tạo áp lực lớn.

Để khai thác hiệu quả CPTPP, doanh nghiệp được khuyến cáo tập trung vào bốn nhóm giải pháp: nâng cao năng lực tuân thủ và đáp ứng quy tắc xuất xứ; đa dạng hóa nguồn cung và tái tổ chức chuỗi cung ứng; chủ động kết nối, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn lớn thay vì chỉ xuất khẩu sản phẩm hoàn chỉnh; đồng thời duy trì chiến lược cân bằng giữa mở rộng thị trường mới và củng cố các thị trường truyền thống.

3.2. Đánh giá xu hướng, triển vọng nhập khẩu

Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước thành viên CPTPP được dự báo tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong những tháng cuối năm 2026, trong bối cảnh nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu và máy móc phục vụ sản xuất trong nước vẫn ở mức cao. Đáng chú ý, nhiều thành viên CPTPP như Malaysia, Singapore, Australia và Canada là những nguồn cung quan trọng đối với một số mặt hàng năng lượng, trong đó có xăng dầu, dầu thô và khí đốt. Cùng với nhu cầu năng lượng tăng theo đà mở rộng sản xuất, biến động giá năng lượng

trên thị trường quốc tế cũng có thể tiếp tục tác động đến kim ngạch nhập khẩu từ khu vực này.

Ở lĩnh vực đầu tư, các thành viên CPTPP tiếp tục là nguồn cung vốn đáng kể cho Việt Nam. Trong 8 tháng đầu năm 2026, Singapore dẫn đầu về vốn đăng ký cấp mới với 7,62 tỷ USD, chiếm 35,1% tổng vốn của 73 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án mới tại Việt Nam. Nhật Bản đứng thứ 5 với 1,42 tỷ USD, tương đương 6,5%, còn Malaysia đạt 81 triệu USD, tương đương 0,37%. Bên cạnh việc bổ sung nguồn vốn cho nền kinh tế, dòng vốn từ các đối tác CPTPP được kỳ vọng tiếp tục thúc đẩy liên kết sản xuất, chuyển giao công nghệ và kết nối doanh nghiệp Việt Nam với mạng lưới chuỗi cung ứng khu vực.